

THÔNG BÁO

**Công khai Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận
và trả kết quả giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương**

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương thực hiện Công tác kiểm soát thủ tục hành chính; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2026;

Nhằm thông tin rộng rãi đến người dân, doanh nghiệp và nâng cao chất lượng phục vụ trong giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương ban hành Thông báo công khai Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương

Chi tiết tại Phụ lục đính kèm theo Thông báo này.

2. Hình thức công khai

- Niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Mỹ Hương.
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã Mỹ Hương, địa chỉ: <https://myhuong.cantho.gov.vn/>.
- Đăng tải trên Trang Fanpage (Facebook), địa chỉ: <https://www.facebook.com/share/16rsEFo4Tm/>.
- Đăng tải trên Trang Zalo OA, địa chỉ: <https://zalo.me/1137079009790942809>.

3. Phạm vi tiếp nhận và trả kết quả

Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết các thủ tục hành chính thuộc Danh mục nêu trên.

4. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các thủ tục hành chính thuộc Danh mục nêu trên.

5. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính có thể lựa chọn một trong các hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Mỹ Hương. Địa chỉ: ấp Xẻo Gừa, xã Mỹ Hương, thành phố Cần Thơ. Số điện thoại: 02993.871.155.

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính ưu tiên nộp hồ sơ thông qua dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến. Việc nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến giúp giảm thời gian đi lại, hạn chế chờ đợi; đồng thời bảo đảm quá trình tiếp nhận, xử lý được thực hiện nhanh chóng, minh bạch, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Mỹ Hương sẽ tiếp nhận (nếu hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện), chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương trân trọng thông báo để cán bộ, công chức của xã phối hợp, triển khai thực hiện; tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thuận tiện trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND TP Cần Thơ;
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND xã;
- TT. UBND xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Tổ Phản ứng nhanh xã;
- Tổ CNSCĐ các ấp trên địa bàn xã;
- Truyền thông trên Cổng TTĐT xã, Trang Fanpage, Zalo OA;
- Lưu: VT, HCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký Minh Thi

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ HƯƠNG

(Ban hành theo Thông báo số: 56/TB-UBND ngày 09/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương)

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	2.000591.000.00.00.H13	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
2	2.000535.000.00.00.H13	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
3	1.013855.H13	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
4	2.000134.000.00.00.H13	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
5	1.014193.H13	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
6	2.000477.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
7	2.000286.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
8	2.000282.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
9	1.001699.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			xác nhận khuyết tật		
10	1.001653.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Cấp Xã	Công khai
11	2.000355.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Cấp Xã	Công khai
12	1.001776.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Cấp Xã	Công khai
13	1.001731.000.00.00.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Cấp Xã	Công khai
14	1.014028.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Cấp Xã	Công khai
15	1.014027.H13	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Cấp Xã	Công khai
16	2.002620.H13	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Cấp Xã	Công khai
17	1.004935.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
18	1.009481.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận khu vực biển (cấp tỉnh)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
19	3.000443.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Cấp Xã	Công khai
20	3.000440.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Cấp Xã	Công khai
21	1.005401.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
22	3.000439.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Cấp Xã	Công khai
23	1.005400.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
24	3.000442.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Cấp Xã	Công khai
25	1.005399.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
26	3.000441.H13	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Cấp Xã	Công khai
27	2.002165.000.00.00.H13	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
28	1.012975.H13	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Cấp Xã	Công khai
29	3.000309.H13	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Cấp Xã	Công khai
30	1.002759.000.00.00.H13	Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (Bộ Tài chính)	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
31	1.012299.H13	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
32	1.012301.H13	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
33	1.012300.H13	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
34	1.014111.H13	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Thi tuyển công chức	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
35	1.014116.H13	Công chức, viên chức (Bộ	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo,	Cấp Bộ; Cấp	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		Nội vụ)	quản lý	Tỉnh; Cấp Xã	
36	1.014113.H13	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Xét tuyển công chức	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
37	1.012222.H13	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	Công nhận người có uy tín	Cấp Xã	Công khai
38	1.012223.H13	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Cấp Xã	Công khai
39	1.012427.H13	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
40	1.012836.H13	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Cấp Xã	Công khai
41	1.012837.H13	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Cấp Xã	Công khai
42	2.000908.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
43	2.000884.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không điểm chỉ được)	Cấp Xã	Công khai
44	2.000913.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
45	2.000927.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Cấp Xã	Công khai
46	2.000942.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Cấp Xã	Công khai
47	2.001035.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Cấp Xã	Công khai
48	2.001019.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Thủ tục Chứng thực di chúc	Cấp Xã	Công khai
49	2.001016.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Cấp Xã	Công khai
50	2.001406.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Cấp Xã	Công khai
51	2.001008.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Cấp Xã	Công khai
52	2.000992.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Cấp Xã	Công khai
53	2.000815.000.00.00.H13	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Cấp Xã	Công khai
54	2.001088.000.00.00.H13	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Cấp Xã	Công khai
55	1.014310.H13	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Cấp Xã	Công khai
56	1.014312.H13	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			tú		
57	1.013313.H13	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Cấp Xã	Công khai
58	1.013314.H13	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Cấp Xã	Công khai
59	1.012753.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Cấp Xã	Công khai
60	1.012796.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Cấp Xã	Công khai
61	1.012812.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Hòa giải tranh chấp đất đai	Cấp Xã	Công khai
62	1.012818.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Cấp Xã	Công khai
63	1.012817.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Cấp Xã	Công khai
64	1.013949.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng;	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất		
65	1.013979.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Cấp Xã	Công khai
66	1.013967.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Công khai
67	1.013950.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Cấp Xã	Công khai
68	1.013952.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Cấp Xã	Công khai
69	1.013953.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Cấp Xã	Công khai
70	1.013965.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Cấp Xã	Công khai
71	1.013978.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
72	1.013962.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở		
73	1.014284.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Cấp Xã	Công khai
74	1.014275.H13	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Cấp Xã	Công khai
75	1.014259.H13	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	Cấp Xã	Công khai
76	1.014258.H13	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	Cấp Xã	Công khai
77	2.001921.000.00.00.H13	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động,	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ		
78	1.013061.H13	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
79	1.000314.H13	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
80	1.013274.H13	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
81	1.012084.H13	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Cấp Xã	Công khai
82	1.012085.H13	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Cấp Xã	Công khai
83	2.002409.000.00.00.H13	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Cấp Xã	Công khai
84	2.002396.000.00.00.H13	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Cấp Xã	Công khai
85	1.011606.H13	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Cấp Xã	Công khai
86	1.011607.H13	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Cấp Xã	Công khai
87	1.011608.H13	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
88	1.011609.H13	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Cấp Xã	Công khai
89	3.000412.H13	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Cấp Xã	Công khai
90	1.006390.000.00.00.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Cấp Xã	Công khai
91	1.006445.000.00.00.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Cấp Xã	Công khai
92	1.006444.000.00.00.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Cấp Xã	Công khai
93	1.012972.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Cấp Xã	Công khai
94	1.012974.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp Xã	Công khai
95	1.012962.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Cấp Xã	Công khai
96	1.012973.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cấp Xã	Công khai
97	1.012971.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cấp Xã	Công khai
98	1.012961.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Cấp Xã	Công khai
99	1.014996.H13	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
100	2.001960.000.00.00.H13	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
101	2.002284.H13	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Cấp Xã	Công khai
102	1.004563.000.00.00.H13	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Cấp Xã	Công khai
103	1.004552.000.00.00.H13	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Cấp Xã	Công khai
104	1.001639.000.00.00.H13	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Cấp Xã	Công khai
105	2.001842.000.00.00.H13	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Cấp Xã	Công khai
106	1.012963.H13	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Cấp Xã	Công khai
107	1.012970.H13	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Cấp Xã	Công khai
108	3.000308.H13	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Cấp Xã	Công khai
109	3.000307.H13	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Cấp Xã	Công khai
110	1.012969.H13	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Cấp Xã	Công khai
111	3.000315.H13	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
112	1.008725.000.00.00.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp Xã	Công khai
113	3.000182.000.00.00.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Tuyển sinh trung học cơ sở	Cấp Xã	Công khai
114	1.005108.000.00.00.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Cấp Xã	Công khai
115	2.001904.000.00.00.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Cấp Xã	Công khai
116	1.012965.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Cấp Xã	Công khai
117	1.012966.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Cấp Xã	Công khai
118	1.012968.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp Xã	Công khai
119	1.012967.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Cấp Xã	Công khai
120	1.012964.H13	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
121	1.000691.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
122	1.000280.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
123	1.000288.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
124	1.003702.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Cấp Xã	Công khai
125	1.001622.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Cấp Xã	Công khai
126	1.001714.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
127	1.008950.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
128	1.008951.000.00.00.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Cấp Xã	Công khai
129	2.002771.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
130	2.002770.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
131	1.014336.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
132	1.014337.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
133	1.014335.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
134	1.014997.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh,	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	người khuyết tật		
135	2.002854.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
136	2.002856.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
137	2.002855.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
138	2.002857.H13	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Tiếp nhận học sinh xin học lại	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
139	1.002693.000.00.00.H13	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
140	1.005040.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
141	1.003658.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Cấp Xã	Công khai
142	1.004088.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
143	1.004036.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ	Cấp Tỉnh; Cấp	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		nội địa (Bộ Xây dựng)	quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Xã	
144	1.004002.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
145	1.003970.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
146	1.003930.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
147	2.001659.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Xóa đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
148	1.004047.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
149	2.001711.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
150	1.006391.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
151	2.001218.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Cấp Xã	Công khai
152	2.001217.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
153	2.001215.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Cấp Xã	Công khai
154	2.001214.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Cấp Xã	Công khai
155	2.001212.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Cấp Xã	Công khai
156	2.001211.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Cấp Xã	Công khai
157	1.002372.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
158	1.009444.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
159	1.009447.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
160	1.009453.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Cấp Xã	Công khai
161	1.009454.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Cấp Xã	Công khai
162	1.009455.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Cấp Xã	Công khai
163	1.009465.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
164	1.009452.000.00.00.H13	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
165	2.000424.000.00.00.H13	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Cấp Xã	Công khai
166	2.000950.000.00.00.H13	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
167	2.000930.000.00.00.H13	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
168	2.002080.000.00.00.H13	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Cấp Xã	Công khai
169	1.002211.H13	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
170	1.013226.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
171	1.013232.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
172	1.013225.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
173	1.013229.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
174	1.013228.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
175	1.013227.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
176	1.013239.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
177	1.013234.H13	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
178	2.000528.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
179	2.000806.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
180	1.001766.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
181	2.000779.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
182	1.001695.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
183	1.001669.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
184	2.000756.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
185	2.002189.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
186	2.000554.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
187	2.000547.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Cấp Xã	Công khai
188	2.000522.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
189	1.000893.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Cấp Xã	Công khai
190	2.000513.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
191	2.000497.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
192	2.000635.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Cấp Xã	Công khai
193	1.001022.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Cấp Xã	Công khai
194	1.000689.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Cấp Xã	Công khai
195	1.000656.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai tử	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
196	1.003583.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Cấp Xã	Công khai
197	1.000593.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Cấp Xã	Công khai
198	1.000419.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Cấp Xã	Công khai
199	1.004837.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký giám hộ	Cấp Xã	Công khai
200	1.004845.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Cấp Xã	Công khai
201	1.004859.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Cấp Xã	Công khai
202	1.004873.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Cấp Xã	Công khai
203	1.005461.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Đăng ký lại khai tử	Cấp Xã	Công khai
204	1.004772.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Cấp Xã	Công khai
205	1.004746.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Cấp Xã	Công khai
206	1.004884.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Cấp Xã	Công khai
207	1.001193.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh	Cấp Xã	Công khai
208	1.000894.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký kết hôn	Cấp Xã	Công khai
209	2.000748.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
210	2.000986.000.00.00.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Cấp Xã	Công khai
211	2.002516.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
212	1.000110.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Cấp Xã	Công khai
213	1.000094.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			vực biên giới		
214	1.004827.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Cấp Xã	Công khai
215	1.000080.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Cấp Xã	Công khai
216	3.000323.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Cấp Xã	Công khai
217	3.000322.H13	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Cấp Xã	Công khai
218	2.002668.H13	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Xã	Công khai
219	1.000711.000.00.00.H13	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
220	1.000713.000.00.00.H13	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
221	1.000715.000.00.00.H13	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
222	1.012694.H13	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Cấp Xã	Công khai
223	2.001283.000.00.00.H13	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Cấp Xã	Công khai
224	2.001270.000.00.00.H13	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Cấp Xã	Công khai
225	2.001261.000.00.00.H13	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
226	1.003434.000.00.00.H13	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
227	1.014352.H13	Lao động (Bộ Nội vụ)	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
228	2.001955.000.00.00.H13	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
229	1.012091.H13	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
230	3.000250.H13	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Cấp Xã	Công khai
231	1.011471.H13	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Công khai
232	1.012531.H13	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Cấp Xã	Công khai
233	1.012922.H13	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	Cấp Xã	Công khai
234	1.007919.H13	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
235	3.000502.H13	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Cấp Xã	Công khai
236	1.014832.H13	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Cấp Xã	Công khai
237	2.000629.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Cấp Xã	Công khai
238	2.001240.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Cấp Xã	Công khai
239	2.000620.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Cấp Xã	Công khai
240	2.000615.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Cấp Xã	Công khai
241	2.000633.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Cấp Xã	Công khai
242	1.001279.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Cấp Xã	Công khai
243	2.000181.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Cấp Xã	Công khai
244	2.000162.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Cấp Xã	Công khai
245	2.000150.000.00.00.H13	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Cấp Xã	Công khai
246	1.010727.000.00.00.H13	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
247	1.010736.000.00.00.H13	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Cấp Xã	Công khai
248	1.003596.000.00.00.H13	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
249	2.001263.000.00.00.H13	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Cấp Xã	Công khai
250	2.001255.000.00.00.H13	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Cấp Xã	Công khai
251	2.002363.000.00.00.H13	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Cấp Xã	Công khai
252	2.002349.H13	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Cấp Xã	Công khai
253	1.003005.H13	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Cấp Xã	Công khai
254	1.010812.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
255	2.001157.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
256	2.001396.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
257	1.004964.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
258	1.001257.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
259	2.002307.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
260	2.002308.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
261	1.010801.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
262	1.010802.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
263	1.010803.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
264	1.010804.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
265	1.010805.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
266	1.010810.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
267	1.010811.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường	Cấp Tỉnh; Cấp	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		vụ)	hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Xã	
268	1.010814.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
269	1.010788.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
270	1.010816.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
271	1.010817.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
272	1.010818.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
273	1.010819.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
274	1.010820.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
275	1.010821.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
276	1.010824.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
277	1.010825.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
278	1.010830.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		vụ)	liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Xã	
279	1.010829.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
280	1.010833.000.00.00.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Cấp Xã	Công khai
281	1.010772.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
282	1.010781.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
283	1.010774.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
284	1.010778.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
285	1.013749.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
286	1.013750.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Cấp Xã	Công khai
287	1.013744.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân,	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Gionevor năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý		
288	1.010775.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
289	1.010777.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
290	1.010815.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
291	1.013743.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Gionevor năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
292	1.010783.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
293	1.013745.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
294	1.014359.H13	Người có công (Bộ Nội vụ)	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
295	1.012888.H13	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Cấp Xã	Công khai
296	1.014632.H13	Nhà ở và công sở (Bộ Xây	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		dựng)	hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở		
297	1.013792.H13	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Cấp Xã	Công khai
298	1.013794.H13	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Cấp Xã	Công khai
299	1.013793.H13	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Cấp Xã	Công khai
300	1.002944.000.00.00.H13	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
301	1.002467.000.00.00.H13	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
302	3.000510.H13	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	Cấp Xã	Công khai
303	3.000509.H13	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Cấp Xã	Công khai
304	3.000494.H13	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
305	2.001661.000.00.00.H13	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
306	1.010940.000.00.00.H13	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Cấp Xã	Công khai
307	1.010939.000.00.00.H13	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Cấp Xã	Công khai
308	1.010938.000.00.00.H13	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Cấp Xã	Công khai
309	1.010941.000.00.00.H13	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Cấp Xã	Công khai
310	2.002400.H13	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
311	2.002403.H13	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
312	2.002402.H13	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
313	2.002401.H13	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
314	1.005007.000.00.00.H13	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Thủ tục mua bán hóa đơn bán tài sản nhà nước và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước	Cấp Xã	Công khai
315	1.004894.000.00.00.H13	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Quản lý và sử dụng hoá đơn bán TSNN và hoá đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước	Cấp Xã	Công khai
316	3.000410.H13	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
317	1.014535.H13	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà	Cấp Xã	Công khai
318	1.009788.000.00.00.H13	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
319	1.009791.000.00.00.H13	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
320	1.009794.000.00.00.H13	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
321	2.001726.H13	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
322	2.001827.000.00.00.H13	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
323	2.001730.H13	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
324	1.003082.H13	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
325	1.003111.H13	Quản lý chất lượng nông	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản	Cấp Tỉnh; Cấp	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	lý nhà nước	Xã	
326	1.003058.H13	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
327	1.002996.H13	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
328	2.001254.H13	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
329	1.014737.H13	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Tài chính)	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Cấp Xã	Công khai
330	1.014736.H13	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Tài chính)	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
331	1.010091.000.00.00.H13	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Cấp Xã	Công khai
332	1.010092.000.00.00.H13	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
333	1.013734.H13	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Cấp Xã	Công khai
334	1.013706.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Cấp Xã	Công khai
335	1.013704.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Cấp Xã	Công khai
336	1.013707.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Cấp Xã	Công khai
337	1.013709.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Cấp Xã	Công khai
338	1.013702.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Công nhận ban vận động thành lập hội	Cấp Xã	Công khai
339	1.013708.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Hội tự giải thể	Cấp Xã	Công khai
340	1.013710.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Cấp Xã	Công khai
341	1.013703.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Thành lập hội	Cấp Xã	Công khai
342	1.014942.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
343	1.014945.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động (Cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
344	1.014944.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (Cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
345	1.014943.H13	Quản lý nhà nước về hội,	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận hội đồng quản lý quỹ; công nhận hội đồng quản lý	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		quỹ (Bộ Nội vụ)	quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ (Cấp xã)		
346	1.014946.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ (Cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
347	1.014947.H13	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Thủ tục quỹ tự giải thể (Cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
348	1.013040.H13	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
349	1.014159.H13	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
350	1.014156.H13	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
351	1.014158.H13	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
352	1.014155.H13	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
353	1.014157.H13	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
354	1.012994.H13	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
355	1.012995.H13	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
356	1.012996.H13	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
357	2.002858.H13	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a,b,c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/1/2026 của Chính phủ	Cấp Xã	Công khai
358	1.004232.000.00.00.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
359	1.004228.000.00.00.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
360	1.004223.000.00.00.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
361	1.004211.000.00.00.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
362	1.000824.000.00.00.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
363	1.004283.000.00.00.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
364	2.001770.000.00.00.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
365	1.001662.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		trường)			
366	1.011518.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
367	1.012500.H13	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
368	1.012568.H13	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Cấp Xã	Công khai
369	1.012569.H13	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Cấp Xã	Công khai
370	1.010945.000.00.00.H13	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Cấp Xã	Công khai
371	1.012592.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
372	1.012591.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
373	1.012590.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
374	1.012585.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
375	1.012584.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
376	1.012582.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
377	1.013798.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	Cấp Xã	Công khai
378	1.013797.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Cấp Xã	Công khai
379	1.013796.H13	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Cấp Xã	Công khai
380	3.000527.H13	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện (Bộ Công an)	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Cấp Xã	Công khai
381	2.002228.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
382	2.002226.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
383	2.002123.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
384	1.005277.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
385	1.005378.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi	Cấp Bộ; Cấp	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Xã	
386	1.005280.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
387	1.004982.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
388	1.004979.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
389	1.005010.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
390	1.004901.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
391	2.001958.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
392	2.002638.H13	Thành lập và hoạt động	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy	Cấp Bộ; Cấp	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Xã	
393	2.002642.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
394	2.002643.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
395	2.002637.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
396	2.002639.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
397	2.002635.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
398	2.002636.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		Tài chính)	hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo		
399	2.002648.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
400	2.002640.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
401	2.002649.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
402	2.002641.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Cấp Xã	Công khai
403	1.014371.H13	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	Cấp Xã	Công khai
404	2.000720.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
405	1.001612.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
406	1.001266.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
407	2.000575.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
408	1.001570.000.00.00.H13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
409	1.014035.H13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
410	1.014034.H13	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
411	2.000794.000.00.00.H13	Thẻ dực thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thẻ dực thể thao cơ sở	Cấp Xã	Công khai
412	1.014149.H13	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
413	1.014150.H13	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
414	1.005090.000.00.00.H13	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
415	1.002051.000.00.00.H13	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (Bộ Tài chính)	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
416	1.001939.000.00.00.H13	Thu BHXH, BHYT,	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham	Cấp Bộ; Cấp	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
		BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (Bộ Tài chính)	gia BHYT	Tỉnh; Cấp Xã	
417	1.002179.000.00.00.H13	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN (Bộ Tài chính)	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
418	1.004839.000.00.00.H13	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
419	1.001686.000.00.00.H13	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
420	1.013997.H13	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Cấp Xã	Công khai
421	1.014779.H13	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
422	1.003471.000.00.00.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
423	1.003440.000.00.00.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
424	1.003446.000.00.00.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
425	2.001621.000.00.00.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
426	2.001627.000.00.00.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	Cấp Xã	Công khai
427	1.003347.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
428	1.014863.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
429	1.014853.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
430	1.014864.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
431	1.014851.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
432	1.014860.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
433	1.014850.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
434	1.014849.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
435	1.014859.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
436	1.014852.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
437	1.014862.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
438	1.014854.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
439	1.014848.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Cấp Xã	Công khai
440	1.014865.H13	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	Cấp Xã	Công khai
441	1.003681.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
442	1.003650.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
443	1.003634.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
444	1.004680.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Cấp Xã	Công khai
445	1.004656.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Cấp Xã	Công khai
446	1.004498.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Cấp Xã	Công khai
447	1.004478.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công bố mở cảng cá loại III	Cấp Xã	Công khai
448	1.004359.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
449	1.003956.000.00.00.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Cấp Xã	Công khai
450	1.014801.H13	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Cấp Xã	Công khai
451	2.000693.000.00.00.H13	Thực hiện chính sách BHXH (Bộ Tài chính)	Giải quyết hưởng chế độ thai sản	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
452	1.001742.000.00.00.H13	Thực hiện chính sách BHXH (Bộ Tài chính)	Giải quyết chuyển hưởng sang địa bàn khác đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
453	1.004946.000.00.00.H13	Trẻ em (Bộ Y tế)	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
454	1.004944.000.00.00.H13	Trẻ em (Bộ Y tế)	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
455	2.001947.000.00.00.H13	Trẻ em (Bộ Y tế)	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Cấp Xã	Công khai
456	1.004941.000.00.00.H13	Trẻ em (Bộ Y tế)	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Cấp Xã	Công khai
457	2.001944.000.00.00.H13	Trẻ em (Bộ Y tế)	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
458	2.001942.000.00.00.H13	Trẻ em (Bộ Y tế)	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Cấp Xã	Công khai
459	1.008004.000.00.00.H13	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Cấp Xã	Công khai
460	1.003622.000.00.00.H13	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Cấp Xã	Công khai
461	1.001029.H13	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
462	1.013791.H13	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Cấp Xã	Công khai
463	1.014200.H13	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
464	1.014199.H13	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
465	1.014196.H13	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
466	1.014197.H13	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
467	1.014201.H13	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
468	1.014198.H13	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
469	2.002821.H13	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông	Cấp Xã	Công khai

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Tình trạng
			thôn, người lao động là thanh niên		
470	2.002501.000.00.00.H13	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Cấp Xã	Công khai
471	1.009407.H13	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai